UNIT 7: TRAFFIC

I.NEW WORDS.

cycle (v)	/saɪkl/	đạp xe
traffic jam (n)	/'træfɪk dʒæm/	sự kẹt xe
park (v)	/pɑ:k/	đỗ xe
pavement (n)	/'peɪvmənt/	vỉa hè (cho người đi bộ)
railway station (n)	/'reɪlwei ,steɪ n/	nhà ga xe lửa
safely (adv)	/'seɪflɪ/	an toàn
safety (n)	/'seɪftɪ/	sự an toàn
seatbelt (n)	/'si:t'belt/	dây an toàn
traffic rule (n)	/'træflk ru:l/	luật giao thông
train (n)	/treɪn/	tàu hỏa
roof (n)	/ru:f/	nóc xe, mái nhà
illegal (adj)	/ɪ'li:gl/	bất hợp pháp
reverse (n)	/rɪ'vɜ:s/	quay đầu xe
boat (n)	/bəʊt/	con thuyền
fly (v)	/flaɪ/	lái máy bay.
helicopter (n)	/'helɪkɒptər/	máy bay trực thăng
triangle (n)	/'traɪæŋgl/	hình tam giác
vehicle (n)	/'viɪkəl/	phương tiện giao thông
plane (n)	/pleɪn/	máy bay
prohibitive (adj)	/prə'hɪbɪtɪv/	cấm (không được làm)
road sign	/rəʊd saɪn/	biển báo giao thông
ship (n)	/ʃɪp/	tàu thủy
tricycle (n)	/trɑɪsɪkəl/	xe đạp ba bánh

II. GRAMMAR.

1. Hỏi trả lời khoảng cách giữa 2 nơi.	How far is it from ___ to ___? *(Từ __ đến ___ bao xa?)* It's (about) __ meter(s)/ kilometer(s)?	How far is it from your house to school? It's about 1 kilometer.
2. Từng, Đã từng	Used to (+) S+ Used to + Verb. (-) S + did not use to Verb. (?) Did(n't) + subject + use to Verb?	I used to live in London. I didn't use to stay up late when I was 5. Did he use to work here very late at night?

LIVEWORKSHEETS

III. PRACTICE.

Complete the words of traffic with the missing letters. (Viết các chữ cái còn thiếu)

1.r_ _d	5.m_to_i_t	9.tra_fic l_g_ts
2.st_e_t	6.p_dest_i_n	10.t_af_ic ru_es
3.cr_ss_oa_	7.pa_em_n_	
4.cy_l_st	8.tr_ff_c s_gn	

Complete the sentences with the words from the box. (Hoàn thành các câu với các từ trong khung.)

Safely Sign Crossroad Pilot Rush hour Traffic jam

1.We were stuck in a _____for an hour this morning.

2.Go straight to the second_____--and then turn left

3.The roads and streets always become crowded in_____

4.You mustn't turn right when you see the_____of No right turn

5.For your_____,we recommend you keep your seatbell fastened during the light

6.My brother is learning to fly the planes.He wants to become a_____

Complete the sentences with should/ shouldn't. (Hoàn thành các câu với should/ shouldn't.)

1. You look tired.You_____go to bed early.

2. She is gaining weight fast. She _____eat less.

3. It's a very dangerous area. You_____go there.

4. If you drank, you_____drive your car.

5. The road is bumpy. You_____drive carefully.

6. Students_____listen to their teacher.

7. He _____smoke a lot because It's not good for his health.

8. You_____drive on the pavement. It's for pedestrians.

9. The film is very interesting. You_____watch it.

10. Her mother is in hospital. She_____visit her.

LIVEWORKSHEETS

Choose the correct option in brackets.(chọn phương án đúng.)

1. The post office is very (near / far) my house.

2. She is ill. She (should / shouldn't) go to the beach.

3. How far (it is / is it) from the bus stop to your school?

4.(It is/They are) 5 kilometres from here.

5. Is her place is very far (to/from) your place?

6. He(should/shouldn't) fasten the seatbelt when he is in car.

7. How(far/long) does it take to get there by bike?

8. It takes (he / him) 15 minutes to walk to school.

9. Nha Trang is (about / very) 450 kilometres from Ho Chi Minh City.

10. It is not very far. It is only 300 (metre / metres) from my house.

Write complete sentences.(Viết câu hoàn chỉnh dùng các từ và cụm từ đã cho.)

1. How far / your house / the school/?

_____

2.Quang Nam/about 70 kilometres/Da Nang/.

_____

3. Their house/very near/the beach/.

_____

4. Ha Noi/very far/Ho Chi Minh City/?

_____

5.How long/take/you/cycle/the club/?

_____

6. My father/always / go to work/car /.

_____

LIVEWORKSHEETS